|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**Số: 222/TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua Nghị quyết về**

**phát triển công nghệ sinh học tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025**

**và những năm tiếp theo**

Thực hiện Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trước yêu cầu phát triển ngày càng nhanh và bền vững, sâu rộng và xu thế của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, việc ưu tiên đẩy mạnh phát triển CNSH là một chủ trương đúng đắn, đáp ứng đời hỏi của thực tiễn, tiền đề giúp giải quyết những vấn đề bức thiết đang đặt ra đối với sản xuất và đời sống. Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chuyên môn, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng Đề án “Phát triển công nghệ sinh học tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo” làm cơ sở trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết.

Uỷ ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết với một số nội dung chính như sau:

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Khoa học công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

- Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 04/3/2005 về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg, ngày 12/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020";

- Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg, ngày 29/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực thuỷ sản đến năm 2020";

- Quyết định số 14/2007/QĐ-TTg, ngày 25/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020";

- Quyết định số 14/2008/QĐ-TTg, ngày 22/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch tổng thể phát triển và CNSH ở Việt Nam đến năm 2020”;

- Quyết định số 14/2008/QĐ-TTg, ngày 22/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch tổng thể phát triển và CNSH ở Việt Nam đến năm 2020”;

- Quyết định số 3056/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Chương trình “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng CNSH”;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 1660/QĐ-TTg, ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng CNSH trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020";

- Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/02/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH&CN đến năm 2020 và những năm tiếp theo;

- Chương trình hành động số 64/CTr-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”;

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư duy và hành động trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, y - dược và bảo vệ sức khoẻ con người, bảo vệ môi trường; thúc đẩy phòng trào ứng dụng Công nghệ sinh học rộng khắp trong các ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế; đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

**2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

a) Về giống cây trồng, vật nuôi: Giải quyết cơ bản việc chọn tạo giống có ưu thế từ kỹ thuật Công nghệ sinh học để từ đó xác lập Quy hoạch sản xuất hàng hóa với một số sản phẩm chủ lực (03 - 05 giống lúa; 01 – 03 giống lợn; 02 – 03 giống bò; 02 – 03 giống thủy sản; 01 – 02 giống lạc, đậu, rau củ quả). Đồng thời hỗ trợ phát triển hoàn thiện các sản phẩm mang tính đặc sản từng địa phương theo hướng 01 xã, phường 01 sản phẩm.

b) Về cải tạo đất, xử lý chất thải, khắc phục và bảo vệ môi trường: Khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm vi sinh để phân hủy các chất thải phế thải từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Bao gồm: gốc rạ, thân lá còn lại của rau củ quả, rác thải sinh hoạt; tồn dư hóa chất trong đất, nước; chất thải chăn nuôi, chất thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh,... Phấn đấu đến năm 2020, việc sử dụng các chế phẩm vi sinh phổ biến rộng rãi, trở thành nhu cầu thường xuyên của đa số nhân dân; có 50% lượng phân bón sử dụng trong sản xuất có nguồn gốc hữu cơ đã qua xử lý vi sinh vật hoặc phân vi sinh chất lượng cao trong tỉnh sản xuất ra.

c) Về bảo quản chế biến nông sản phẩm: Đảm bảo hầu hết các sản phẩm sản xuất ra phải áp dụng quy trình công nghệ được kiểm soát phù hợp qui chuẩn, được sơ chế, bảo quản từ thấp đến cao; chế biến được một số sản phẩm hàng hóa có giá trị cao nhờ áp dụng thành tựu Công nghệ sinh học và công nghệ cao khác.

d) Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng chống có hiệu quả dịch bệnh cho người và gia súc:

- Công nghệ sinh học phải được áp dụng mạnh mẽ trong việc sản xuất và phát triển dược liệu tại các địa phương, bào chế các loại thảo dược, thực phẩm chức năng; phát hiện và chẩn đoán sớm các loại bệnh trên người và gia súc, gia cầm, thủy hải sản để có biện pháp phòng chống chủ động và giảm nhẹ thiệt hại; phổ biến các loại thuốc chữa bệnh cho người và gia súc, thuốc trừ sâu có nguồn gốc sinh học; phát triển các loại nấm, vi sinh vật có ích, côn trùng có lợi trong môi trường sống, bệnh viện, trường học, khu dân cư và các gia đình;

- Từ năm 2018 dược liệu trở thành một cây trồng được qui hoạch và liên kết chuỗi từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ. Nấm ăn và nấm dược liệu trở thành một cây trồng chủ lực của tỉnh có sản lượng và giá trị hàng hóa cao trong nông nghiệp;

- Từ năm 2019, phổ biến thuốc điều trị bằng thảo dược trong bệnh viện; sử dụng rộng rãi các loại bẫy, bã Protein, chất dẫn dụ sinh học, thuốc trừ sâu sinh học và các chế phẩm tạo ra từ Công nghệ sinh học khác vào quá trình sản xuất của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tăng cường nhận thức và hành động đối với phát triển Công nghệ sinh học**

Quán triệt, nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về tầm quan trọng, vai trò của Công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, đời sống, bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất và đời sống. Thông qua các lớp đào tạo, tập huấn, thông tin, truyền thông hàng năm.

**2. Xây dựng và phát triển tiềm lực Công nghệ sinh học**

- Đầu tư chiều sâu để nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng Công nghệ sinh học; bổ sung máy móc, thiết bị tiên tiến và hiện đại hoá các phòng thí nghiệm.

- Chú trọng thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ từ thấp đến cao về lĩnh vực Công nghệ sinh học.

- Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước:

+ Thông qua Chương trình, Đề án về phát triển Công nghệ sinh học đã được Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành phê duyệt; Các Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học của tỉnh.

+ Xã hội hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển Công nghệ sinh học: Từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; Xã hội hóa theo hình thức công - tư (PPP); Từ Chương trình hợp tác trong và ngoài nước, các Chương trình theo Nghị định thư.

**3.** **Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường**

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng Công nghệ sinh học trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực nông nghiệp; công nghệ bảo quản, chế biến; Y dược và bảo vệ môi trường.

- Giai đoạn 2018 – 2025 tập trung nguồn lực xây dựng và triển khai có hiệu quả 04 Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học:

+ Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ công tác giống cây trồng, vật nuôi;

+ Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ cải tạo đất, xử lý chất thải, khác phục và bảo vệ môi trường;

+ Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng chống có hiệu quả dịch bệnh người và gia súc;

+ Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ công tác bảo quản chế biến nông sản phẩm.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**1. Các nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết**

a) Nguồn kinh phí hỗ trợ từ các Chương trình, đề án về phát triển Công nghệ sinh học đã được Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành phê duyệt: Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg, ngày 29/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng Công nghệ sinh học trong lĩnh vực thuỷ sản đến năm 2020"; Quyết định số 14/2007/QĐ-TTg, ngày 25/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng Công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020"; Quyết định số 1660/QĐ-TTg, ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng Công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020"; Quyết định số 3056/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Chương trình “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng Công nghệ sinh học”;

b) Nguồn ngân sách tỉnh danh cho đầu tư phát triển Công nghệ sinh học hằng năm;

c) Nguồn vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

**2. Kinh phí thực hiện Nghị quyết:**

- Tổng kinh phí: 168.800 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương: 10.000 triệu đồng;

+ Kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh: 80.800 triệu đồng;

+ Kinh phí từ nguồn vốn khác: 78.000 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh được phân bổ như sau:

+ Kinh phí đào tạo, tập huấn, thông tin, truyền thông hàng năm: 100 triệu đồng / năm;

+ Kinh phí thực hiện các Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học giai đoạn 2018 – 2025

\* Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ công tác giống cây trồng, vật nuôi: 25.000 triệu đồng;

\* Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ cải tạo đất, xử lý chất thải, khác phục và bảo vệ môi trường: 15.000 triệu đồng;

\* Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng chống có hiệu quả dịch bệnh người và gia súc: 15.000 triệu đồng;

\* Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao Công nghệ sinh học phục vụ công tác bảo quản chế biến nông sản phẩm: 5.000 triệu đồng.

+ Kinh phí đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị Công nghệ sinh học: 20.000 triệu đồng.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua để Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện (có Dự thảo Đề án gửi kèm)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như kính gửi;- TT Tỉnh ủy;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Các Đại biểu HĐND tỉnh;- Sở Khoa học và Công nghệ;- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;- Lưu: VT, KGVX.- Gửi: VB giấy và điện tử. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Đặng Quốc Vinh** |